



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**

Auditing And Informatic Services Company Limited

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/12/2020*

**XÍ NGHIỆP QUẢN LÝ THỦY NỘI ĐỊA - DỊCH VỤ -  
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐƯỜNG ĐÀ  
NẴNG**

**AISC**

ACCOMPANY WITH BUSINESS

## MỤC LỤC

---- oOo ----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01-02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04-07
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-21

---

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/12/2020

*Ban Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/12/2020.*

### **1. Thông tin chung về Xí nghiệp:**

#### **Thành lập:**

Xí Nghiệp Quản Lý Thủy Nội Địa - Dịch Vụ - Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Cầu Đường Đà Nẵng (gọi tắt là "Xí nghiệp") là đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Cầu đường Đà Nẵng theo Quyết định thành lập số 42/QĐ-HĐQT ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Công ty Quản lý Cầu đường Đà Nẵng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400513870 - 002, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 03 năm 2020 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

#### **Hình thức sở hữu vốn:**

Chi nhánh hạch toán độc lập.

#### **Hoạt động kinh doanh của Xí nghiệp:**

Xây dựng công trình thủy nội địa - Dịch vụ

Chi tiết: Bảo trì, bảo dưỡng công trình đường thủy nội địa, Cảng Sông Hàn.

**Trụ sở chính:** 62 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

### **2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:**

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Xí nghiệp được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

### **3. Thành viên Ban Giám đốc và Phụ trách kế toán:**

Thành viên Ban Giám đốc và Phụ trách kế toán trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

#### **Ban Giám đốc và Phụ trách kế toán**

Ông Nguyễn Công Hiệu	Giám Đốc (bổ nhiệm ngày 01/04/2020)
Ông Đào Kim Long	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/04/2020)
Bà Trần Thị Hoàng Diễm	Phụ trách kế toán (bổ nhiệm ngày 01/04/2020)

**Người đại diện theo pháp luật của Xí nghiệp trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:**

Ông Nguyễn Công Hiệu	Giám Đốc (bổ nhiệm ngày 01/04/2020)
----------------------	-------------------------------------

### **4. Kiểm toán độc lập**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM tại Đà Nẵng ("AISC") được chỉ định là kiểm toán viên cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/12/2020.



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/12/2020

### **5. Cam kết của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Xí nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/12/2020. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Xí nghiệp với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Xí nghiệp và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

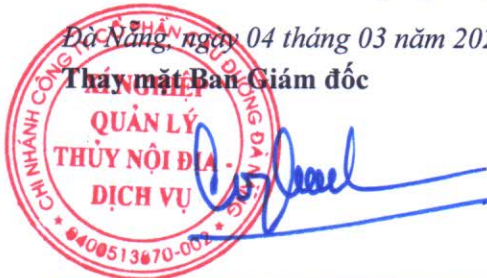
### **6. Xác nhận**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Xí nghiệp cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/12/2020.

Báo cáo tài chính của Xí nghiệp được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 03 năm 2021

**Thay mặt Ban Giám đốc**



**Nguyễn Công Hiệu**

Giám đốc





**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
**Auditing & Informatic Services Company Limited**

Office: 389A Điện Biên Phủ - Phường 4 - Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) Fax: (84.8) 3834 2957  
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: C0720054-3R/AISDN-DN **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:**

**BAN GIÁM ĐỐC**

**XÍ NGHIỆP QUẢN LÝ THỦY NỘI ĐỊA - DỊCH VỤ - CHI NHÁNH CÔNG TY  
CỔ PHẦN CẦU ĐƯỜNG ĐÀ NẴNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Xí Nghiệp Quản Lý Thủy Nội Địa - Dịch Vụ - Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Cầu Đường Đà Nẵng (gọi tắt là "Xí nghiệp"), được lập ngày 04 tháng 03 năm 2021, từ trang 04 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/4/2020 đến ngày 31/12/2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Xí nghiệp chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Xí nghiệp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Xí nghiệp có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Xí nghiệp liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Xí nghiệp. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Xí Nghiệp Quản Lý Thủy Nội Địa - Dịch Vụ - Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Cầu Đường Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/4/2020 đến ngày 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Đà Nẵng, ngày 04 tháng 03 năm 2021**

**KT TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thị Hiệp**

Số Giấy CNĐKHNKT: 1401-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**Hồ Thị Hà Lan**

Số Giấy CNĐKHNKT: 3080-2019-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Hà Nội: 6 Floor, 36 Hoa Bình 4 St., Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist., Hà Nội

Tel: (04) 3782 0045/46/47 Fax: (04) 3782 0048 Email: hanoi@aisc.com.vn

Branch in Đà Nẵng: 350 Hai Phong St., Chính Gian Ward, Thanh Khê Dist., Đà Nẵng City

Tel: (0236) 3 747 619 Fax: (0236) 3 747 619 Email: aiscdn@gmail.com

Representative in Cần Thơ: 243/1A, 30/4 St., Ninh Kiều Dist., Cần Thơ City

Tel: (0710) 3813 004 Fax: (0710) 3828 765

Representative in Hải Phòng: 18 Hoàng Văn Thu St., Hồng Bàng Dist., Hải Phòng City

Tel: (031) 3569 577 Fax: (031) 3569 576

Trang 3



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.820.267.834</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>194.593.125</b>
1. Tiền	111		194.593.125
2. Các khoản tương đương tiền	112		-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.613.251.073</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.608.251.073
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	5.000.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141		-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.423.636</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	12.423.636
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>13.527.090</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-
- Nguyên giá	222		-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-
- Nguyên giá	225		-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-
3. Tài sản cố định vô hình	<del>227</del>		-
- Nguyên giá	228		-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-
- Nguyên giá	231		-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.527.090</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.4	13.527.090
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.833.794.924</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.809.057.978</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.809.057.978</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.5	1.329.746.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.6	141.733.163
4. Phải trả người lao động	314		296.959.275
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		40.619.540
13. Quỹ bình ổn giá	323		-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>24.736.946</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.7</b>	<b>24.736.946</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		-
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		-
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.736.946
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.833.794.924</b>

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đồng Thị Thủy

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Trần Thị Hoàng Diễm

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Công Hiệu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04/2020 đến 31/12/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	8.087.127.249
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	8.087.127.249
4. Giá vốn hàng bán	11		7.265.521.649
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (20 = 10 -11)	<b>20</b>		<b>821.605.600</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	426.820
7. Chi phí tài chính	22		-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-
8. Chi phí bán hàng	25		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	725.608.684
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	<b>30</b>		<b>96.423.736</b>
11. Thu nhập khác	31		-
12. Chi phí khác	32	VI.5	467.927
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(467.927)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30 + 40)	<b>50</b>		<b>95.955.809</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	13.499.323
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>82.456.486</b>

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đong Thị Thủy

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Trần Thị Hoàng Diễm

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Công Hiệu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04/2020 đến 31/12/2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		7.287.588.903
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(3.500.389.457)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.596.862.782)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(5.928.550)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		140.161.000
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(1.130.402.809)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>194.166.305</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		426.820
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>426.820</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04/2020 đến 31/12/2020
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		194.593.125
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	<u>194.593.125</u>

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Đồng Thị Thủy

Trần Thị Hoàng Diễm

Nguyễn Công Hiệu



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Thành lập:

Xí Nghiệp Quản Lý Thủy Nội Địa - Dịch Vụ - Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Cầu Đường Đà Nẵng (gọi tắt là "Xí nghiệp") là đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Cầu đường Đà Nẵng theo Quyết định thành lập số 42/QĐ-HĐQT ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Công ty Quản lý Cầu đường Đà Nẵng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400513870 - 002, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 03 năm 2020 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

#### Hình thức sở hữu vốn:

Đơn vị hạch toán phụ thuộc.

**Trụ sở chính:** 62 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh:

Xây dựng công trình thủy

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng công trình thủy

Chi tiết: Bảo trì, sửa chữa công trình đường thủy nội địa, cảng.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Xí nghiệp kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có.

#### 6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2020: 34 nhân viên.

#### 8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

### II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Xí nghiệp bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Niên độ kế toán đầu tiên của Xí nghiệp bắt đầu từ ngày 01/4/2020 đến ngày 31/12/2020.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Xí nghiệp áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

**Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:**

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất thực hiện xây lắp các công trình xây dựng cơ bản dở dang.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo giá bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Xí nghiệp bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: công cụ dụng cụ; phần mềm kế toán, tiền thuê văn phòng.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 24 tháng.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 5. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Xí nghiệp thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Xí nghiệp.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Xí nghiệp ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

### 6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

**Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:** Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng; và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

**Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp sau:**

**Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện:** khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Đối với hợp đồng xây dựng giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện: 1. Tổng doanh thu của hợp đồng được tính toán một cách đáng tin cậy; 2. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 3. Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy; 4. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 2. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

### 7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

### 8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho Xí nghiệp năm hiện hành như sau : Thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20%.

### 9. Công cụ tài chính:

#### Ghi nhận ban đầu:

#### Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Xí nghiệp quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Xí nghiệp bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng.





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Xí nghiệp xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan. Nợ phải trả tài chính của Xí nghiệp bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

### Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

## 10. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Xí nghiệp. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Xí nghiệp, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

## 11. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Xí nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Xí nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020
<b>Tiền</b>	<b>194.593.125</b>
Tiền mặt	11.685.790
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	182.907.335
Ngân hàng TMCP SHB-Chi nhánh Đà Nẵng	182.907.335
<b>Cộng</b>	<b>194.593.125</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2020	
	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.608.251.073</b>	<b>-</b>
Khách hàng trong nước	1.608.251.073	-
Công ty Cổ Phần Cầu Đường	1.608.251.073	-
<b>Cộng</b>	<b>1.608.251.073</b>	<b>-</b>
<b>b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ Phần Cầu Đường	1.608.251.073	-
<b>Cộng</b>	<b>1.608.251.073</b>	<b>-</b>

### 3. Phải thu khác

	31/12/2020	
	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.000.000</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000</b>	<b>-</b>

### 4. Chi phí trả trước

	31/12/2020
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>12.423.636</b>
Chi phí trả trước về thuê tài sản hoạt động tài sản cố định	
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	10.129.189
Phần mềm kế toán	2.294.447
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>13.527.090</b>
Chữ ký số	2.161.110
Phần mềm BHXH điện tử VNPT	797.410
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	10.568.570
<b>Cộng</b>	<b>25.950.726</b>

### 5. Phải trả người bán

	31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.329.746.000</b>	<b>1.329.746.000</b>
Nhà cung cấp trong nước	1.329.746.000	1.329.746.000
Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Giang	547.393.000	547.393.000
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Tuấn Lý	336.490.000	336.490.000
Công ty TNHH Dịch vụ Du Thuyền Tiên sa	169.510.000	169.510.000
Công ty Cổ phần Hoàng Dương Danh	276.353.000	276.353.000
<b>Cộng</b>	<b>1.329.746.000</b>	<b>1.329.746.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**6. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/04/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2020
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	390.899.329	260.896.664	130.002.665
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	13.499.323	5.928.550	7.570.773
Thuế thu nhập cá nhân	-	25.310.943	21.151.218	4.159.725
<b>Cộng</b>	-	<b>429.709.595</b>	<b>287.976.432</b>	<b>141.733.163</b>

**7. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu kỳ này</b>		-	-
Lợi nhuận kỳ này	-	82.456.486	<b>82.456.486</b>
Trích quỹ	24.736.946	(24.736.946)	-
Phân phối các quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(57.719.540)	<b>(57.719.540)</b>
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>24.736.946</b>	-	<b>24.736.946</b>

**b. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2020
Quỹ đầu tư phát triển	24.736.946
<b>Cộng</b>	<b>24.736.946</b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Từ 01/04/2020 đến 31/12/2020
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	
<b>a. Doanh thu</b>	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.087.127.249
<b>Cộng</b>	<b>8.087.127.249</b>
<b>b. Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	
Công ty Cổ Phần Cầu Đường	8.087.127.249
<b>Cộng</b>	<b>8.087.127.249</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.265.521.649
<b>Cộng</b>	<b>7.265.521.649</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Từ 01/04/2020 đến 31/12/2020
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	
Lãi tiền gửi	426.820
<b>Cộng</b>	<b>426.820</b>
<b>4. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Từ 01/04/2020 đến 31/12/2020</b>
Chi phí nhân viên	556.007.000
Chi phí vật liệu, bao bì	1.487.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	32.443.415
Thuế, phí, lệ phí	1.162.544
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.396.907
Chi phí bằng tiền khác	72.111.818
<b>Cộng</b>	<b>725.608.684</b>
<b>5. Chi phí khác</b>	<b>Từ 01/04/2020 đến 31/12/2020</b>
Các khoản bị phạt	467.927
<b>Cộng</b>	<b>467.927</b>
<b>6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Từ 01/04/2020 đến 31/12/2020</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	335.663.776
Chi phí nhân công	4.704.180.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.872.276.739
Chi phí khác bằng tiền	79.009.818
<b>Cộng</b>	<b>7.991.130.333</b>
<b>7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Từ 01/04/2020 đến 31/12/2020</b>
<b>1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>95.955.809</b>
<b>2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:</b>	<b>467.927</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	<b>467.927</b>
<i>Lãi chậm nộp bảo hiểm và chi phí phạt</i>	<i>467.927</i>
<b>3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành ( 1+2)</b>	<b>96.423.736</b>
<b>4. Thuế suất thuế TNDN</b>	<b>20%</b>
<b>5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>19.284.747</b>
<b>6. Thuế TNDN được miễn giảm trong năm</b>	<b>5.785.424</b>
Giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của năm 2020 theo Nghị quyết : 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020.	5.785.424
<b>7. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>13.499.323</b>
<b>8. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính</b>	
Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản	
Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:	



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 8.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Xí nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Xí nghiệp nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Xí nghiệp chủ yếu liên quan đến khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Xí nghiệp.

Xí nghiệp quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Xí nghiệp và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### Độ nhạy đối với lãi suất

Xí nghiệp không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

### 8.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Xí nghiệp có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### Phải thu khách hàng

Xí nghiệp giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Xí nghiệp thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Xí nghiệp liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Xí nghiệp nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc của Xí nghiệp đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và/hoặc bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

Phải thu khách hàng	Không quá hạn		Quá hạn	
	không bị suy giảm	bị suy giảm	không bị suy giảm	bị suy giảm
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>				
Dưới 90 ngày	1.608.251.073	-	-	-
<b>Tổng cộng giá trị ghi sổ</b>	<b>1.608.251.073</b>	-	-	-
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	-
<b>Giá trị thuần</b>	<b>1.608.251.073</b>	-	-	-



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 8.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Xí nghiệp gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Xí nghiệp chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Xí nghiệp giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Xí nghiệp và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Xí nghiệp dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	1.329.746.000	-	-	1.329.746.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.329.746.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.329.746.000</b>

Xí nghiệp có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

#### Tài sản đảm bảo

Xí nghiệp không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### 9. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý
	31-12-20		31-12-20
	Giá trị	Dự phòng	
<b>Tài sản tài chính</b>			
- Phải thu khách hàng	1.608.251.073	-	1.608.251.073
- Phải thu khác	5.000.000	-	5.000.000
- Tiền và các khoản tương đương tiền	194.593.125	-	194.593.125
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.807.844.198</b>	<b>-</b>	<b>1.807.844.198</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
- Phải trả người bán	1.329.746.000	-	1.329.746.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.329.746.000</b>	<b>-</b>	<b>1.329.746.000</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Xí nghiệp sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### 9. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Xí nghiệp đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính.

### 2. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	
			Số dư đầu kỳ	-
Công ty Cổ Phần Cầu Đường	Cấp trên	Bán hàng	Phát sinh tăng	8.903.002.916
			Phát sinh giảm	7.294.751.843
			Số dư cuối kỳ	1.608.251.073
				<b>Từ 01/04/2020 đến 31/12/2020</b>
<b>+ Thu nhập của Ban Giám đốc</b>				
Ban Giám đốc			Lương và thưởng	247.226.250
Cộng				<b>247.226.250</b>

### 4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Ban Giám đốc của Xí nghiệp xác định rằng, Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ xây dựng. Các hoạt động của chi nhánh đều ở địa bàn thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, công ty không lập và trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận.

### 5. Thông tin về hoạt động liên tục: Xí nghiệp vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

### 6. Thông tin khác:

Xí Nghiệp được thành lập vào ngày 01 tháng 04 năm 2020 theo Quyết định thành lập số 42/QĐ-HĐQT của Công ty Quản lý Cầu đường Đà Nẵng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400513870 - 002 nên kỳ đầu tiên của Xí nghiệp từ ngày 01 tháng 04 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đồng Thị Thủy

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Trần Thị Hoàng Diễm

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 03 năm 2021

GIÁM ĐỐC  
XÍ NGHIỆP  
QUẢN LÝ  
THỦY NỘI ĐỊA  
DỊCH VỤ  
0400513870-002

Nguyễn Công Hiệu